

Số: 06 /2017/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 6 năm 2017

SỞ TƯ PHÁP T. TUYÊN QUANG

Ngày 22-06-2017

CÔNG VĂN ĐẾN số: 2622

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định quy trình lập, thẩm định phương án giá, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, thẩm định phương án giá; phân cấp quản lý giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 125/TTr-STC ngày 27/4/2017 về việc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét Quyết định quy định quy trình lập, thẩm định phương án giá, thẩm quyền trách nhiệm của các cơ quan đơn vị trong việc lập, thẩm định phương án giá; phân cấp quản lý giá và quyết định giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Báo cáo thẩm định số 59/BC-STP ngày 25/4/2017 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quy trình lập, thẩm định phương án giá, thẩm quyền trách nhiệm của các cơ quan đơn vị trong việc lập, thẩm định phương án giá; phân cấp quản lý giá và quyết định giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 và thay thế Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc Ban hành quy định quy trình lập, thẩm định phương án giá, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, thẩm định phương án giá; phân cấp quản lý giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB - Bộ Tư Pháp;
- Bộ Tài chính; Bộ GD và ĐT;
- Bộ Y tế; Bộ Giao thông Vận tải;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Xây dựng; Bộ Công Thương;
- Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Phó CVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh;
- Như điều 3: Thi hành;
- Phòng THCB;
- Lưu VT (Huy.TH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH




Phạm Minh Huân

QUY ĐỊNH

Ban hành quy định quy trình lập, thẩm định phương án giá, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, thẩm định phương án giá; phân cấp quản lý giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

(Kèm theo Quyết định số 06 /2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định quy trình lập, thẩm định phương án giá, thẩm quyền trách nhiệm của các cơ quan đơn vị trong việc lập, thẩm định phương án giá; phân cấp quản lý giá và quyết định giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;
2. Các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân sản xuất kinh doanh có liên quan đến giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, đăng ký, kê khai giá, giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

Các nội dung không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương II

QUY TRÌNH LẬP, THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ, THẨM QUYỀN TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC LẬP THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ

Điều 4. Quy trình lập, thẩm định phương án giá.

- a) Các Sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh xây dựng phương án giá, lập tờ trình theo quy định gửi Sở quản lý chuyên ngành để kiểm tra, xem xét gửi Sở Tài chính thẩm định theo quy định.

b) Trường hợp Sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất, kinh doanh trình phương án giá để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thì phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính; trường hợp thẩm định bằng giá đất, phương án giá đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.”

Điều 5. Phân công trách nhiệm của các Sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực trong việc lập, trình, thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá.

1. Sở Giao thông Vận tải.

a) Giá cước vận chuyên hành khách công cộng bằng xe buýt do nhà nước tổ chức đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ vận chuyên hành khách trong đô thị, trong khu công nghiệp;

b) Giá cước vận chuyên cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo;

c) Giá cho thuê tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng giao thông đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

d) Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

đ) Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng (bao gồm bến thủy nội địa) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

2. Sở Xây dựng.

a) Giá nước sạch cho sinh hoạt tại đô thị, nông thôn, khu công nghiệp do doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước quản lý, khai thác, vận hành; giá nước sạch được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách;

b) Đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị;

c) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

d) Giá cho thuê tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng xây dựng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

đ) Giá cước bốc xếp bằng thủ công một số loại vật liệu, vật tư, hàng hóa chủ yếu;

e) Giá nhà, công trình gắn liền với đất để tính bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật;

g) Giá tối đa đối với: Dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường.

a) Xây dựng giá các loại đất trên địa bàn;

b) Giá cho thuê đất, thuê mặt nước;

c) Đơn giá sản phẩm: Đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

d) Giá cụ thể đối với: Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.

4. Sở Công Thương.

a) Đơn giá bồi thường công trình điện;

b) Giá cụ thể đối với: Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

c) Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

a) Giá nước sạch sinh hoạt ở khu vực nông thôn không thuộc điểm a khoản 1 Điều này;

b) Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước làm đại diện chủ sở hữu; giá cho thuê các loại rừng;

c) Giá giống cây trồng thuộc các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước;

d) Đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, con vật nuôi để tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh;

đ) Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý.

6. Sở Tài chính:

a) Thẩm định giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;

b) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển;

c) Thẩm định phương án giá thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh do các cơ quan, đơn vị lập, hoặc thẩm định phương án giá theo đề xuất của sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất kinh doanh để sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất kinh doanh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

d) Hướng dẫn cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong việc xây dựng phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.”

Điều 6. Hồ sơ, nội dung phương án giá, thời gian thẩm định giá, quyết định phê duyệt phương án giá và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân lập phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá.

1. Hồ sơ phương án giá hoặc điều chỉnh giá (sau đây gọi chung là hồ sơ phương án giá) thực hiện theo mẫu ban hành tại phụ lục số 2a kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá (sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá).

2. Nội dung phương án giá gồm:

a) Sự cần thiết phải định giá hoặc điều chỉnh giá;

b) Căn cứ định giá hoặc điều chỉnh giá: Thực hiện theo quy định tại các Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến tài sản, hàng hóa, dịch vụ cần định giá, điều chỉnh giá;

c) Bản tính toán giá thành hàng hóa, dịch vụ (nếu sản xuất trong nước), giá vốn nhập khẩu (nếu là hàng hóa nhập khẩu); giá bán hàng hóa, dịch vụ, cơ cấu các mức giá kiến nghị phải thực hiện theo Quy chế tính giá do Bộ Tài chính quy định. Trường hợp tài sản, hàng hóa, dịch vụ có Quy chế tính giá cụ thể riêng do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật thì tính giá theo Quy chế đó;

- So sánh các yếu tố hình thành giá, mức giá của phương án giá đề nghị với các yếu tố hình thành giá, mức giá của phương án giá được duyệt lần trước liền kề; nêu rõ nguyên nhân tăng (+), giảm (-);

- So sánh mức giá đề nghị với mức giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ tương tự ở thị trường trong nước và thị trường của một số nước trong khu vực (nếu có) theo phương pháp tính giá quy định tại Quy chế tính giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

d) Dự kiến tác động của mức giá mới đối với hoạt động của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh khác đến ngân sách nhà nước, tác động đến đời sống, xã hội, thu nhập của người tiêu dùng;

đ) Các biện pháp tổ chức triển khai thực hiện mức giá mới.

3. Thời gian thẩm định giá và quyết định phê duyệt phương án giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân lập phương án giá trong việc trình thẩm định, phê duyệt:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác các định mức, căn cứ và những thông tin có liên quan đến các yếu tố hình thành giá;

b) So sánh, phân tích và giải trình tính hợp lý, hợp lệ về mức giá đề xuất.

Chương III

PHÂN CẤP QUẢN LÝ GIÁ, QUYẾT ĐỊNH GIÁ

Điều 7. Trách nhiệm quản lý giá của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các quyết định giá của cấp có thẩm quyền quyết định, các quy định về bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá và niêm yết giá.

2. Có trách nhiệm tham mưu, xây dựng lập, trình phương án giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Quyết định này.

3. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc xây dựng phương án giá phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc Sở Tài chính quyết định theo thẩm quyền.

4. Tham gia Hội đồng thẩm định giá, xây dựng các phương án giá theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, tham gia các cuộc thanh tra, kiểm tra giá do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức và Sở Tài chính đề nghị.

Điều 8. Trách nhiệm quản lý giá của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện).

1. Triển khai đầy đủ và kịp thời các văn bản pháp luật về giá, thẩm định giá, thanh tra, kiểm tra xử lý các vi phạm về giá trên địa bàn để mọi tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định.

2. Tổ chức chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các quyết định giá của các cấp có thẩm quyền trên địa bàn huyện.

3. Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Điều tra thu thập thông tin, giá cả thị trường, hàng hóa vật tư lưu thông trên thị trường, phân tích và dự báo sự biến động giá trên địa bàn và lưu trữ thông tin về giá, báo cáo hàng tháng về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính để nắm bắt tình hình giá cả thị trường (theo hướng dẫn của Sở Tài chính).

5. Điều tra các loại đất, cập nhật thông tin về giá đất trên địa bàn, giá đất trên các trục đường giao thông, giá đất ở các vùng đô thị, nông thôn theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở ban ngành thuộc tỉnh, định kỳ báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Tổ chức tiếp nhận đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá hàng hóa dịch vụ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về giá theo quy định của pháp luật. Tiến hành điều tra chi phí sản xuất, chi phí lưu thông, giá mua, giá bán sản phẩm hàng hóa thuộc diện bình ổn giá, trợ giá theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính.

8. Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho Phòng Tài chính – Kế hoạch cùng cấp chủ trì và phối hợp với các phòng ban chuyên môn quản lý giá theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá và đăng ký giá, kê khai giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên địa bàn huyện.

9. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo định kỳ hàng tháng và đột xuất về giá thị trường với Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Sở Tài chính có trách nhiệm:

Hướng dẫn, kiểm tra các doanh nghiệp, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Quy định này đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 10. Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc vượt quá thẩm quyền giải quyết, các cơ quan, đơn vị báo cáo bằng văn bản về Sở Tài chính để được hướng dẫn hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến giải quyết kịp thời. / *l*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Phạm Minh Huấn
Phạm Minh Huấn